

SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THỰC PHẨM

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2024

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 26/2024/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Sữa Vitadairy Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 5, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Điện thoại:** 0983720908

Cho sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC COLOSBABY GOLD 2+

Sản xuất tại:

1. Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sữa VITADAIRY Việt Nam tại Bình Dương – Nhà máy Vitadairy Bình Dương (Ký hiệu: 1, 2, 3, 4)

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, KCN Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa VITADAIRY Việt Nam tại Hà Nam (Kí hiệu 5, 6, 7)

Địa chỉ: Lô N3-2, lô N3-3 và N3-4, KCN II Đồng Văn, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8 – 3: 2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất: COLOSBABYG2+/2024/VITADAIRY: theo như thông tin chi tiết về sản phẩm đính kèm.

Nơi nhận: *lưu*

- Doanh nghiệp;
- Lưu NV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Kim Sương
Phan Kim Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: COLOSBABYG2+/2024/VITADAIRY

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0983720908

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3702652869

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức ColosBaby Gold 2+

2. Thành phần:

Sữa bột (35-50%), Bột béo thực vật, Sucrose, Sữa non ColosIgG 24h (7000mg/100g), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Khoáng chất (Canxi Carbonat, Magie Oxit, Sắt (III) Pyrophosphat, Kẽm Sulphat, Đồng Sulphat, Kali Iodid, Natri Selenit), Hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, Whey protein thủy phân và Whey protein cô đặc (0,6g/100g), DHA từ dầu cá, Bột béo MCT (300mg/100g), L-Lysine HCl, Vitamin (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Natri Ascorbat, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Canxi-D-Pantothenat, Axit Folic, Biotin, Niacin), 2'-Fucosyllactose (2'-FL HMO), *Bifidobacterium* (10^9 CFU/100g).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/ trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Lon/túi thiếc đảm bảo vệ sinh theo quy định của Bộ y tế.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh:

17 g; 17,4 g; 23 g; 29 g; 34,8 g; 35 g;

200 g; 250 g; 300 g; 350 g; 360 g; 400 g;

450 g; 500 g; 550 g; 600 g; 650 g; 700 g;

750 g; 800 g; 850 g; 900 g; 950 g; 1 kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản xuất tại các nhà máy:

1. Chi nhánh Công ty cổ phần sữa VITADAIRY Việt Nam tại Bình Dương - Nhà máy VITADAIRY Bình Dương (ký hiệu: 1, 2, 3, 4).

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.



Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: VN19/00141, Ngày cấp: 18/06/2022, Nơi cấp: UKAS Anh Quốc.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 8/2022/ATTP-CNĐK, Ngày cấp: 14/02/2022, Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm – BYT.

2. Chi nhánh Công ty cổ phần sữa VITADAIRY Việt Nam tại Hà Nam (ký hiệu: 5, 6, 7).

Địa chỉ: Lô N3-2, Lô N3-3 và N3-4, KCN II Đồng Văn, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: VN19/00141, Ngày cấp: 18/06/2022, Nơi cấp: UKAS Anh Quốc.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 7/2021/ATTP-CNĐK, Ngày cấp: 30/03/2021, Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm – BYT.

(Ký hiệu của nhà máy sản xuất được thể hiện trên bao bì sản phẩm, tại vị trí thứ 2 trong dãy ký tự phía sau thông tin HSD).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 11-3: 2012/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

- **QCVN 8-3: 2012/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- **QCVN 8-2: 2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- **QCVN 8-1: 2011/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- **Tiêu chuẩn nhà sản xuất:** COLOSBABYG2+/2024/VITADAIRY đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà



ColosBaby Gold 2+ là sản phẩm dinh dưỡng thực phẩm cho trẻ từ 2 tuổi. Sản phẩm hỗ trợ tăng cường để kháng cấp độ 2+ từ sữa non Colosab 24h giúp hỗ trợ tăng cường để kháng, cải thiện mức năng lực và phát triển thể chất tốt.

HỖ TRỢ ĐỂ KHÁNG KHỎE
Bổ sung kháng thể IgG (1000mg/100g) từ sữa non Colosab 24h giúp tăng sức đề kháng, bảo vệ trẻ khỏi các yếu tố độc hại bên ngoài, tạo điều kiện cho trẻ phát triển khỏe mạnh.

CÂN NẶNG
Dinh dưỡng cân đối phù hợp, cung cấp chất đạm, chất béo, Vitamin và khoáng chất, cân bằng các chất dinh dưỡng, giúp cân nặng và phát triển thể chất tốt.

CHỈ SỐ CAO
Canxi, Phospho là thành phần cấu tạo cơ bản của xương và răng. Vitamin D3, Lysine giúp tăng hấp thu Canxi, cho hệ xương răng phát triển chắc khỏe, hỗ trợ phát triển chiều cao.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA, HẤP THU
Lợi khuẩn *Bifidobacterium* kết hợp với FOS/Inulin giúp cân bằng và cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột, ổn định tiêu hóa và hỗ trợ phòng ngừa táo bón. Vitamin B1, B2, B6 hỗ trợ khả năng hấp thu.

BẢO QUẢN
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp. Lọ đã mở phải được dùng hết và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

UnitaDairy
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 5, Số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Website: www.vitadairy.vn
Số điện thoại: 1900 633 555
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG & ATP ISO 9001:2015 - ISO 22000:2018
Được công nhận bởi UKAS ANH QUỐC

BỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
Trẻ trên 2 tuổi.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
1 muỗng gạt (lượng đường 8,7 g) pha với 45 ml nước chín ấm (50°C).
Để pha được 1 ly 200 ml: Cho từ từ 4 muỗng gạt (lượng đường 34,5 g) với 180 ml nước chín ấm (50°C), khuấy kỹ cho đến khi tan hoàn toàn.

Cho trẻ uống 3 ly mỗi ngày hoặc cho trẻ uống dần của cả ly về.
Chỉ 3 ly. Sản phẩm sau khi pha nên sử dụng hết trong vòng 1 giờ không cho trẻ ăn lại phần thừa của bữa trước.

THÀNH PHẦN
Sữa bột (35-50%), Bột bẻ thực vật, Sucrose, Sữa non Colosab 24h (7000mg/100g), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Khoáng chất (Canxi Carbonat, Magie Oxit, Sắt (III) Pyrophosphat, Kẽm Sulphat, Đồng Sulphat, Kali Iodid, Natri Selenit), Hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, Whey protein thủy phân và Whey protein có đặc (0,6g/100g), DHA từ dầu cá, Bột béo MCT (300mg/100g), L-Lysine HCl, Vitamin (Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Canxi-D-Panthenol, Kẽm Folat, Biotin, Niacin), Z-Ferocylactose (Z-Fer-HMO), Bifidobacterium (tổng cộng 100g).

HƯỚNG DẪN TIẾT TÙNG
1. Rửa sạch tay bằng xà phòng và nước sạch.
2. Rửa sạch dụng cụ pha chế bằng nước sạch.
3. Cho sữa bột vào bình.
4. Cho nước ấm vào bình.
5. Khuấy đều bằng muỗng.
6. Cho sữa bột vào bình.
7. Khuấy đều bằng muỗng.
8. Cho sữa bột vào bình.
9. Khuấy đều bằng muỗng.

CHÚ Ý: Sản phẩm thực phẩm bổ sung cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố dinh dưỡng không thay thế cho chế độ ăn uống hàng ngày. Sản phẩm không thay thế cho chế độ ăn uống hàng ngày. Sản phẩm không thay thế cho chế độ ăn uống hàng ngày.

NGUYÊN LIỆU SỮA NON Colosab 24h ĐỘC QUYỀN từ MỸ

ColosBaby

HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG ĐỂ KHÁNG
HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH



CẢI THIỆN MỨC TĂNG CÂN NẶNG

HỖ TRỢ ĐỂ KHÁNG KHỎE
HỖ TRỢ TĂNG CHIỀU CAO
HỖ TRỢ HẤP THU TỐT



2+ DANH CHO TRẺ TRÊN 2 TUỔI
SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC



IGG 2'-FL HMO FOS Inulin Canxi Bifidus

THÔNG TIN DINH DƯỠNG				NUTRITION FACTS			
Chứa	Đơn vị	100g	200ml	Chứa	Đơn vị	100g	200ml
Calo	kcal	468	199	Năng lượng	kcal	468	199
Chất béo	g	15,8	5,4	Protein	g	15,8	5,4
Chất đạm (Protein)	g	15,8	5,4	Chất béo	g	15,8	5,4
Acid béo (Omega 3)	g	16,0	5,6	Acid béo (Omega 6)	g	16,0	5,6
Acid béo (Omega 6)	g	20,0	7,1	Acid béo (Omega 9)	g	20,0	7,1
Acid béo (Omega 9)	g	24,0	8,5	Acid béo (Omega 12)	g	24,0	8,5
Acid béo (Omega 12)	g	28,0	10,0	Acid béo (Omega 15)	g	28,0	10,0
Acid béo (Omega 15)	g	32,0	11,4	Acid béo (Omega 18)	g	32,0	11,4
Acid béo (Omega 18)	g	36,0	12,8	Acid béo (Omega 21)	g	36,0	12,8
Acid béo (Omega 21)	g	40,0	14,2	Acid béo (Omega 24)	g	40,0	14,2
Acid béo (Omega 24)	g	44,0	15,6	Acid béo (Omega 27)	g	44,0	15,6
Acid béo (Omega 27)	g	48,0	17,1	Acid béo (Omega 30)	g	48,0	17,1
Acid béo (Omega 30)	g	52,0	18,5	Acid béo (Omega 33)	g	52,0	18,5
Acid béo (Omega 33)	g	56,0	20,0	Acid béo (Omega 36)	g	56,0	20,0
Acid béo (Omega 36)	g	60,0	21,4	Acid béo (Omega 39)	g	60,0	21,4
Acid béo (Omega 39)	g	64,0	22,8	Acid béo (Omega 42)	g	64,0	22,8
Acid béo (Omega 42)	g	68,0	24,2	Acid béo (Omega 45)	g	68,0	24,2
Acid béo (Omega 45)	g	72,0	25,7	Acid béo (Omega 48)	g	72,0	25,7
Acid béo (Omega 48)	g	76,0	27,1	Acid béo (Omega 51)	g	76,0	27,1
Acid béo (Omega 51)	g	80,0	28,5	Acid béo (Omega 54)	g	80,0	28,5
Acid béo (Omega 54)	g	84,0	30,0	Acid béo (Omega 57)	g	84,0	30,0
Acid béo (Omega 57)	g	88,0	31,4	Acid béo (Omega 60)	g	88,0	31,4
Acid béo (Omega 60)	g	92,0	32,8	Acid béo (Omega 63)	g	92,0	32,8
Acid béo (Omega 63)	g	96,0	34,2	Acid béo (Omega 66)	g	96,0	34,2
Acid béo (Omega 66)	g	100,0	35,6	Acid béo (Omega 69)	g	100,0	35,6
Acid béo (Omega 69)	g	104,0	37,0	Acid béo (Omega 72)	g	104,0	37,0
Acid béo (Omega 72)	g	108,0	38,4	Acid béo (Omega 75)	g	108,0	38,4
Acid béo (Omega 75)	g	112,0	39,8	Acid béo (Omega 78)	g	112,0	39,8
Acid béo (Omega 78)	g	116,0	41,2	Acid béo (Omega 81)	g	116,0	41,2
Acid béo (Omega 81)	g	120,0	42,6	Acid béo (Omega 84)	g	120,0	42,6
Acid béo (Omega 84)	g	124,0	44,0	Acid béo (Omega 87)	g	124,0	44,0
Acid béo (Omega 87)	g	128,0	45,4	Acid béo (Omega 90)	g	128,0	45,4
Acid béo (Omega 90)	g	132,0	46,8	Acid béo (Omega 93)	g	132,0	46,8
Acid béo (Omega 93)	g	136,0	48,2	Acid béo (Omega 96)	g	136,0	48,2
Acid béo (Omega 96)	g	140,0	49,6	Acid béo (Omega 99)	g	140,0	49,6
Acid béo (Omega 99)	g	144,0	51,0	Acid béo (Omega 102)	g	144,0	51,0
Acid béo (Omega 102)	g	148,0	52,4	Acid béo (Omega 105)	g	148,0	52,4
Acid béo (Omega 105)	g	152,0	53,8	Acid béo (Omega 108)	g	152,0	53,8
Acid béo (Omega 108)	g	156,0	55,2	Acid béo (Omega 111)	g	156,0	55,2
Acid béo (Omega 111)	g	160,0	56,6	Acid béo (Omega 114)	g	160,0	56,6
Acid béo (Omega 114)	g	164,0	58,0	Acid béo (Omega 117)	g	164,0	58,0
Acid béo (Omega 117)	g	168,0	59,4	Acid béo (Omega 120)	g	168,0	59,4
Acid béo (Omega 120)	g	172,0	60,8	Acid béo (Omega 123)	g	172,0	60,8
Acid béo (Omega 123)	g	176,0	62,2	Acid béo (Omega 126)	g	176,0	62,2
Acid béo (Omega 126)	g	180,0	63,6	Acid béo (Omega 129)	g	180,0	63,6
Acid béo (Omega 129)	g	184,0	65,0	Acid béo (Omega 132)	g	184,0	65,0
Acid béo (Omega 132)	g	188,0	66,4	Acid béo (Omega 135)	g	188,0	66,4
Acid béo (Omega 135)	g	192,0	67,8	Acid béo (Omega 138)	g	192,0	67,8
Acid béo (Omega 138)	g	196,0	69,2	Acid béo (Omega 141)	g	196,0	69,2
Acid béo (Omega 141)	g	200,0	70,6	Acid béo (Omega 144)	g	200,0	70,6
Acid béo (Omega 144)	g	204,0	72,0	Acid béo (Omega 147)	g	204,0	72,0
Acid béo (Omega 147)	g	208,0	73,4	Acid béo (Omega 150)	g	208,0	73,4
Acid béo (Omega 150)	g	212,0	74,8	Acid béo (Omega 153)	g	212,0	74,8
Acid béo (Omega 153)	g	216,0	76,2	Acid béo (Omega 156)	g	216,0	76,2
Acid béo (Omega 156)	g	220,0	77,6	Acid béo (Omega 159)	g	220,0	77,6
Acid béo (Omega 159)	g	224,0	79,0	Acid béo (Omega 162)	g	224,0	79,0
Acid béo (Omega 162)	g	228,0	80,4	Acid béo (Omega 165)	g	228,0	80,4
Acid béo (Omega 165)	g	232,0	81,8	Acid béo (Omega 168)	g	232,0	81,8
Acid béo (Omega 168)	g	236,0	83,2	Acid béo (Omega 171)	g	236,0	83,2
Acid béo (Omega 171)	g	240,0	84,6	Acid béo (Omega 174)	g	240,0	84,6
Acid béo (Omega 174)	g	244,0	86,0	Acid béo (Omega 177)	g	244,0	86,0
Acid béo (Omega 177)	g	248,0	87,4	Acid béo (Omega 180)	g	248,0	87,4
Acid béo (Omega 180)	g	252,0	88,8	Acid béo (Omega 183)	g	252,0	88,8
Acid béo (Omega 183)	g	256,0	90,2	Acid béo (Omega 186)	g	256,0	90,2
Acid béo (Omega 186)	g	260,0	91,6	Acid béo (Omega 189)	g	260,0	91,6
Acid béo (Omega 189)	g	264,0	93,0	Acid béo (Omega 192)	g	264,0	93,0
Acid béo (Omega 192)	g	268,0	94,4	Acid béo (Omega 195)	g	268,0	94,4
Acid béo (Omega 195)	g	272,0	95,8	Acid béo (Omega 198)	g	272,0	95,8
Acid béo (Omega 198)	g	276,0	97,2	Acid béo (Omega 201)	g	276,0	97,2
Acid béo (Omega 201)	g	280,0	98,6	Acid béo (Omega 204)	g	280,0	98,6
Acid béo (Omega 204)	g	284,0	100,0	Acid béo (Omega 207)	g	284,0	100,0
Acid béo (Omega 207)	g	288,0	101,4	Acid béo (Omega 210)	g	288,0	101,4
Acid béo (Omega 210)	g	292,0	102,8	Acid béo (Omega 213)	g	292,0	102,8
Acid béo (Omega 213)	g	296,0	104,2	Acid béo (Omega 216)	g	296,0	104,2
Acid béo (Omega 216)	g	300,0	105,6	Acid béo (Omega 219)	g	300,0	105,6
Acid béo (Omega 219)	g	304,0	107,0	Acid béo (Omega 222)	g	304,0	107,0
Acid béo (Omega 222)	g	308,0	108,4	Acid béo (Omega 225)	g	308,0	108,4
Acid béo (Omega 225)	g	312,0	109,8	Acid béo (Omega 228)	g	312,0	109,8
Acid béo (Omega 228)	g	316,0	111,2	Acid béo (Omega 231)	g	316,0	111,2
Acid béo (Omega 231)	g	320,0	112,6	Acid béo (Omega 234)	g	320,0	112,6
Acid béo (Omega 234)	g	324,0	114,0	Acid béo (Omega 237)	g	324,0	114,0
Acid béo (Omega 237)	g	328,0	115,4	Acid béo (Omega 240)	g	328,0	115,4
Acid béo (Omega 240)	g	332,0	116,8	Acid béo (Omega 243)	g	332,0	116,8
Acid béo (Omega 243)	g	336,0	118,2	Acid béo (Omega 246)	g	336,0	118,2
Acid béo (Omega 246)	g	340,0	119,6	Acid béo (Omega 249)	g	340,0	119,6
Acid béo (Omega 249)	g	344,0	121,0	Acid béo (Omega 252)	g	344,0	121,0
Acid béo (Omega 252)	g	348,0	122,4	Acid béo (Omega 255)	g	348,0	122,4
Acid béo (Omega 255)	g	352,0	123,8	Acid béo (Omega 258)	g	352,0	123,8
Acid béo (Omega 258)	g	356,0	125,2	Acid béo (Omega 261)	g	356,0	125,2
Acid béo (Omega 261)	g	360,0	126,6	Acid béo (Omega 264)	g	360,0	126,6
Acid béo (Omega 264)	g	364,0	128,0	Acid béo (Omega 267)	g	364,0	128,0
Acid béo (Omega 267)	g	368,0	129,4	Acid béo (Omega 270)	g	368,0	129,4
Acid béo (Omega 270)	g	372,0	130,8	Acid béo (Omega 273)	g	372,0	130,8
Acid béo (Omega 273)	g	376,0	132,2	Acid béo (Omega 276)	g	376,0	132,2
Acid béo (Omega 276)	g	380,0	133,6	Acid béo (Omega 279)	g	380,0	133,6
Acid béo (Omega 279)	g	384,0	135,0	Acid béo (Omega 282)	g	384,0	135,0
Acid béo (Omega 282)	g	388,0	136,4	Acid béo (Omega 285)	g	388,0	136,4
Acid béo (Omega 285)	g	392,0	137,8	Acid béo (Omega 288)	g	392,0	137,8
Acid béo (Omega 288)	g	396,0	139,2	Acid béo (Omega 291)	g	396,0	139,2
Acid béo (Omega 291)	g	400,0	140,6	Acid béo (Omega 294)	g	400,0	140,6
Acid béo (Omega 294)	g	404,0	142,0	Acid béo (Omega 297)	g	404,0	142,0
Acid béo (Omega 297)	g	408,0	143,4	Acid béo (Omega 300)	g	408,0	143,4
Acid béo (Omega 300)	g	412,0	144,8	Acid béo (Omega 303)	g	412,0	144,8
Acid béo (Omega 303)	g	416,0	146,2	Acid béo (Omega 306)	g	416,0	146,2
Acid béo (Omega 306)	g	420,0	147,6	Acid béo (Omega 309)	g	420,0	147,6
Acid béo (Omega 309)	g	424,0	149,0	Acid béo (Omega 312)	g	424,0	149,0
Acid béo (Omega 312)	g	428,0	150,4	Acid béo (Omega 315)	g	428,0	150,4
Acid béo (Omega 315)	g	432,0	151,8	Acid béo (Omega 318)	g	432,0	151,8
Acid béo (Omega 318)	g	436,0	153,2	Acid béo (Omega 321)	g	436,0	153,2
Acid béo (Omega 321)	g	440,0	154,6	Acid béo (Omega 324)	g	440,0	154,6
Acid béo (Omega 324)	g	444,0	156,0	Acid béo (Omega 327)	g	444,0	156,0
Acid béo (Omega 327)	g	448,0	157,4	Acid béo (Omega 330)	g	448,0	157,4
Acid béo (Omega 330)	g	452,0	158,8	Acid béo (Omega 333)	g	452,0	158,8
Acid béo (Omega 333)	g	456,0	160,2	Acid béo (Omega 336)	g	456,0	160,2
Acid béo (Omega 336)	g	460,0	161,6	Acid béo (Omega 339)	g	460,0	161,6
Acid béo (Omega 339)	g	464,0	163,0	Acid béo (Omega 342)	g	464,0	163,0
Acid béo (Omega 342)	g	468,0	164,4	Acid béo (Omega 345)	g	468,0	164,4
Acid béo (Omega 345)	g	472,0	165,8	Acid béo (Omega 348)	g	472,0	165,8
Acid béo (Omega 348)	g	476,0	167,2	Acid béo (Omega 351)	g	476,0	167,2
Acid béo (Omega 351)	g	480,0	168,6	Acid béo (Omega 354)	g	480,0	168,6
Acid béo (Omega 354)	g	484,0	170,0	Acid béo (Omega 357)	g	484,0	170,0
Acid béo (Omega 357)	g	488,0	171,4	Acid béo (Omega 360)	g	488,0	171,4
Acid béo (Omega 360)	g	492,0	172,8	Acid béo (Omega 363)	g	492,0	172,8
Acid béo (Omega 363)	g	496,0	174,2	Acid béo (Omega 366)	g	496,0	174,2
Acid béo (Omega 366)	g	500,0	175,6	Acid béo (Omega 369)	g	500,0	175,6
Acid béo (Omega 369)	g	504,0	177,0	Acid béo (Omega 372)	g	504,0	177,0
Acid béo (Omega 372)	g	508,0	178,4	Acid béo (Omega 375)	g	508,0	178,4
Acid béo (Omega 375)	g	512,0	179,8	Acid béo (Omega 378)	g	512,0	179,8
Acid béo (Omega 378)	g	516,0	181,2	Acid béo (Omega 381)	g	516,0	181,2
Acid béo (Omega 381)	g	520,0	182,6	Acid béo (Omega 384)	g	520,0	182,6
Acid béo (Omega 384)	g	524,0	184,0	Acid béo (Omega 387)	g	524,0	184,0
Acid béo (Omega 387)	g	528,0	185,4	Acid béo (Omega 390)	g	528,0	185,4
Acid béo (Omega 390)	g	532,0	186,8	Acid béo (Omega 393)	g	532,0	186,8
Acid béo (Omega 393)	g	536,0	188,2	Acid béo (Omega 396)	g	536,0	188,2
Acid béo (Omega 396)	g	540,0	189,6	Acid béo (Omega 399)	g	540,0	189,6
Acid béo (Omega 399)	g	544,0	191,0	Acid béo (Omega 402)	g	544,0	191,0
Acid béo (Omega 402)	g	548,0	192,4	Acid béo (Omega 405)	g	548,0	192,4
Acid béo (Omega 405)	g	552,0	193,8	Acid béo (Omega 408)	g	552,0	193,8
Acid béo (Omega 408)	g	556,0	195,2	Acid béo (Omega 411)	g	556,0	195,2
Acid béo (Omega 411)	g	560,0	196,6	Acid béo (Omega 414)	g	560,0	196,6
Acid béo (Omega 414)	g	564,0	198,0	Acid béo (Omega 417)	g	564,0	198,0
Acid béo (Omega 417)	g	568,0	199,4	Acid béo (Omega 420)	g	568,0	199,4
Acid béo (Omega 420)	g	572,0	200,8	Acid béo (Omega 423)	g	572,0	200,8
Acid béo (Omega 423)	g	576,0	202,2	Acid béo (Omega 426)	g	576,0	202,2
Acid béo (Omega 426)	g	580,0	203,6	Acid béo (Omega 429)	g	580,0	203,6
Acid béo (Omega 429)	g	584,0	205,0	Acid béo (Omega 432)	g	584,0	205,0
Acid béo (Omega 432)	g	588,0	206,4	Acid béo (Omega 435)	g	588,0	206,4
Acid béo (Omega 435)	g	592,0	207,8	Acid béo (Omega 438)	g	592,0	207,8
Acid béo (Omega 438)	g	596,0	209,2	Acid béo (Omega 441)	g	596,0	209,2
Acid béo (Omega 441)	g	600,0	210,6	Acid béo (Omega 444)	g	600,0	